TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2020/DS-PT
Ngày: 18-12-2020
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số:22/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020; về việc tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020, của Toà án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2020/QĐPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1963 (có mặt)

Cư trú: ấp Thị 1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1974; (có mặt)

Cư trú: Ấp Thị 1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang

Hiện nay ở: ấp ML, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đào Thị Kim Ng, sinh năm 1971; (có mặt)

Cư trú: Ấp Thị 1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang

Người kháng cáo: bà Đào Thị Kim Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày: Do chỗ quen biết, ông có cho vợ chồng ông Ph, bà Ng mượn nhiều lần với số tiền 400.000.000đ cụ thể như sau:

Ngày 19/12/2013 mượn 200.000.000đ;

Ngày 20/3/2015 mượn 200.000.000đ.

Vợ chồng ông Ph, bà Ng mượn để làm vốn mua bán, không hẹn thời gian trả và lãi suất. Khi mượn tiền, vợ chồng ông Ph, bà Ng đều có mặt.

Sau khi vay, ông Ph, bà Ng không trả vốn. Ông có đòi nhiều lần, nhưng ông Ph, bà Ng không thực hiện việc trả nợ.

Nay ông yêu cầu ông Phạm Thanh Ph liên đới với bà Đào Thị Kim Ng trả lại số tiền vay của ông là 400.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay cho đến khi xét xử.

Bị đơn ông Phạm Thanh Ph trình bày: thừa nhận vợ chồng ông có vay của ông M 02 lần là 400.000.000đ. Khi vay vợ chồng ông vẫn còn sống chung và bà Ng cũng biết việc vay này. Biên nhận lần đầu do vợ ông ghi và ký tên vào biên nhận; biên nhận lần 2 do ông viết và ký tên. Do đang gặp khó khăn nên chưa trả cho ông M được. Việc trả nợ ông sẽ trao đổi với bà Ng vì vợ chồng vẫn còn tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Kim Ng trình bày: chồng bà có mượn của ông M 02 lần là 400.000.000đ, bà hoàn toàn không biết. Bà chỉ viết dùm biên nhận ngày 19/12/2013, còn biên nhận sau, bà không biết. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của ông M liên đới với ông Ph trả số nợ trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:51/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Toà án nhân dân huyện CM đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M.

Buộc ông Phạm Thanh Ph có nghĩa vụ liên đới với bà Đào Thị Kim Ng, trả cho ông Trương Văn M số tiền vốn 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Trương Văn M

Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 30/6/2020, bà Đào Thị Kim Ng kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với ông Phạm Thanh Ph để trả cho ông Trương Văn M số tiền 400.000.000đ.

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Ph không kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Kim Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bà Đào Thị Kim Ng kháng cáo phát biểu ý kiến: Tôi sẽ thỏa thuận lại với ông Ph, ông M về phương thức trả nợ sau này;

Nguyên đơn phát biểu ý kiến: Vẫn yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà Ng chịu trách nhiệm trả nợ 400.000.000đ;

Bị đơn phát biểu ý kiến: Đồng ý liên đới trả nợ cho ông M;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy, có đủ cơ sở để buộc trách nhiệm liên đới vợ chồng Ph, bà Ng chịu trách nhiệm trả nợ cho ông M; bà Ng không có chứng cứ nào mới để xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ y án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bà Ng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Đào Thị Kim Ng nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, căn cứ các Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bà Đào Thị Kim Ng thì thấy;

[3.1] Tại biên nhận nợ ngày 19/12/2013, ông Ph có nhận tiền từ ông M số tiền 200.000.000đ; đến ngày 20/3/2015, ông Ph tiếp tục nhận tiền từ ông M 200.000.000đ; tổng cộng số tiền đã nhận của ông M là 400.000.000đ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Thanh Ph đều thừa nhận và đồng ý trả nợ cho ông M; đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[3.2] Xét trách nhiệm liên đới của bà Đào Thị Kim Ng (vợ ông Phạm Thanh Ph) thì thấy; bà Ng cho rằng biên nhận ngày 19/12/2013 do chính bà viết, nhưng không có nhận tiền; còn biên nhận ngày 20/3/2015 thì bà Ng không biết gì lúc đó đã ly thân với ông Ph; nên bà Ng không chịu trách nhiệm liên đới;

[3.3] Tuy nhiên, ông M, ông Ph đều xác định việc ông Ph mượn tiền bà Ng đều biết và bà Ng là người viết giấy mượn tiền của ông M vào ngày 19/12/2013; chính bà Ng nhận tiền tại nhà, trước khi nhận tiền bà Ng có điện thoại hỏi ý kiến ông Ph; còn khoản tiền vay lần sau thì ông Ph nhận; tại biên bản hòa giải ngày 10/3/2020, ông Ph thừa nhận vay tiền trong thời gian còn chung sống với bà Ng, vợ tôi có biết việc vay tiền; việc trả tiền cho ông M tôi trao đổi với vợ, vì chúng tôi còn tài sản chung" (BL 29, 30); biên bản ghi lời khai của bà Ng ngày 10/3/2020, bà Ng cho biết "khi ông Ph vay tiền của ông M thì bà Ng vẫn còn chung sống với ông Ph" (BL 26);

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng thừa nhận có hứa với ông M để ly hôn chia tài sản chung sẽ ưu tiên trả nợ cho ông M; ông M xác định bà Ng có nói việc này; bà Ng cũng thừa nhận ngoài mua bán vật tư cùng gia đình thì ông Ph có đầu tư xây dựng các công trình bên ngoài;

[3.5] Quyết định số 173/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2019 về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có nêu nội dung "Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đào Thị Kim Ng và ông Phạm Thanh Ph vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án dân sự khác";

[3.6] Theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh Phong Ngân do bà Đào Thị Kim Ng chủ hộ làm đại diện; việc ông Ph khai vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh và nhận làm thêm công trình xây dựng là có cơ sở. Mặt khác, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông Ph mượn tiền để kinh doanh cho hộ gia đình và đầu tư công trình thêm; căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới với ông Ph trả cho ông M số nợ trên.

[4] Ở giai đoạn phúc thẩm, bà Ng cung cấp các tài liệu chứng lời khai của con là Phạm Đào Lan V, người làm chứng: Ông Lê Văn B, Trần Chí Th, Nguyễn Văn Trường V1, Võ Thị Mỹ D, Nguyễn Quan V2, để cho rằng trong thời gian tháng 3 năm 2013 vợ chồng bà Ng có cải vã nhau rồi sống ly thân và có thấy ông Ph trông coi sửa chữa nhà cho cha mẹ ruột, có các hóa đơn ghi tên ông Ph mua vật tư,..để nại ra rằng tiền ông Ph sử dụng xây dựng nhà cửa cho cha mẹ, nên không chịu trách nhiệm liên đối với 02 khoản tiền vay của ông M là chưa đủ căn cứ để xem xét;

[5] Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm của Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bà Ng, giữ y án sơ thẩm; buộc ông Ph, bà Ng có trách nhiệm liên đới trả cho ông M số tiền 400.000.000đ;

[6] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Đào Thị Kim Ng không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị Kim Ng.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Toà án nhân dân huyện CM;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M.

2. Buộc ông Phạm Thanh Ph, bà Đào Thị Kim Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Văn M số tiền vốn 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Trương Văn M.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Thanh Ph, bà Đào Thị Kim Ng phải chịu 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ông Trương Văn M được nhận lại tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai số 0007861 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đào Thị Kim Ng phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0008643 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1)
- VKSND AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng (1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự " Để thi hành"
- Lưu: hồ sơ.

Nguyễn Văn Sơn